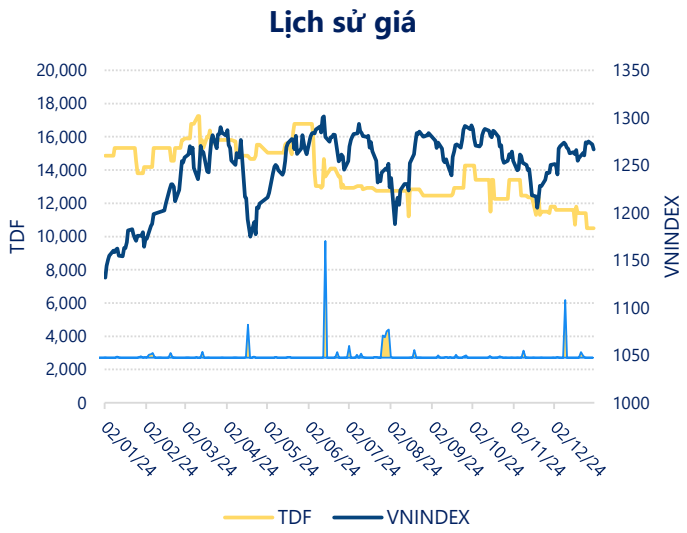
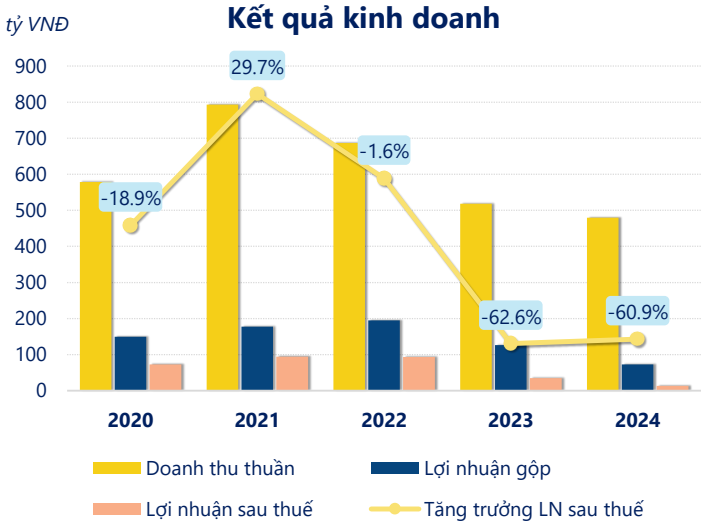
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	10,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.5%	-	-

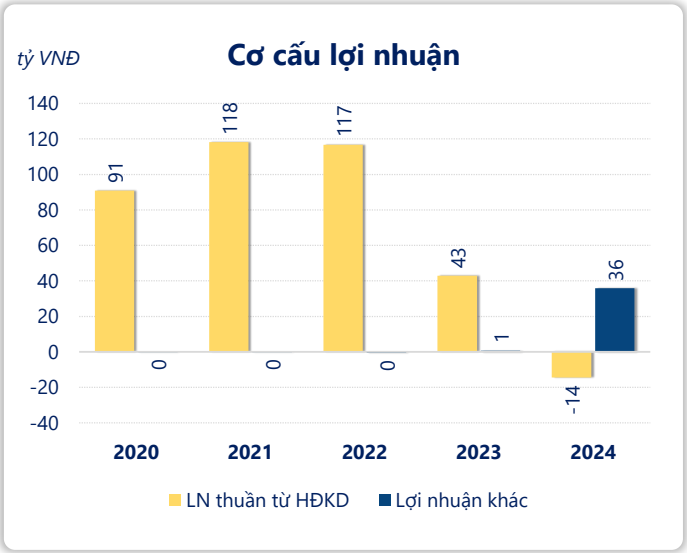
	2024	YoY
DT thuần	480 tỷ VNĐ	▼ 39.0 ▼ 7.5%
LN gộp	72.5 tỷ VNĐ	▼ 53.5 ▼ 42.7%
LN thuần	-14.4 tỷ VNĐ	▼ 57.3 ▼ 134%
LN sau thuế	13.6 tỷ VNĐ	▼ 21.2 ▼ 60.9%
ROE	1.8%	+/- YoY ▼ 2.8%
ROA	0.8%	+/- YoY ▼ 1.3%

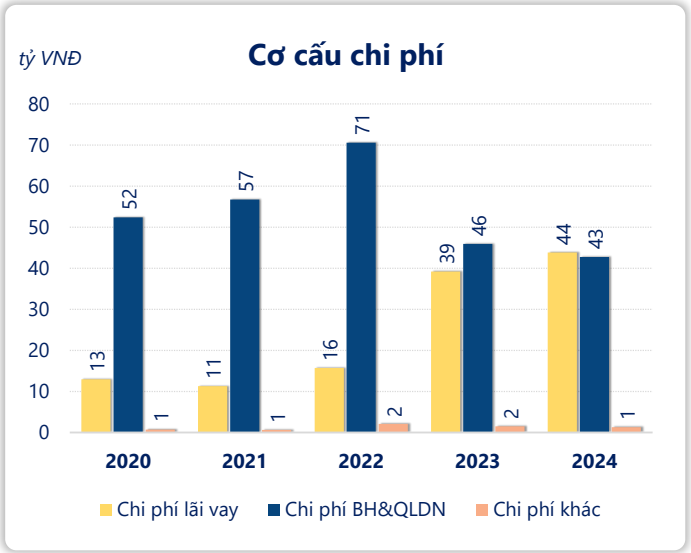




Kết quả kinh doanh **TDF** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **479.7** tỷ đồng **giảm 7.51%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 60.9%** chỉ còn **13.61** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **1.79%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

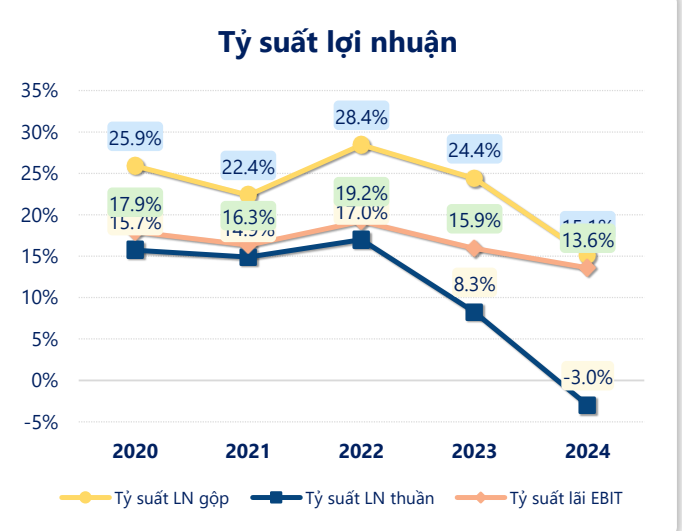


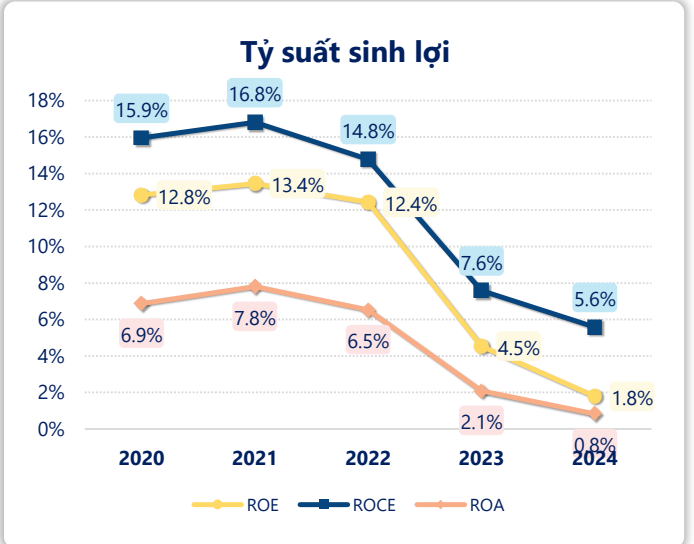


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **TDF** năm **2024 giảm đi 57.28** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 14.42 tỷ đồng. Đây là khoản **lỗ từ hoạt động kinh doanh lớn nhất 5 năm qua**. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

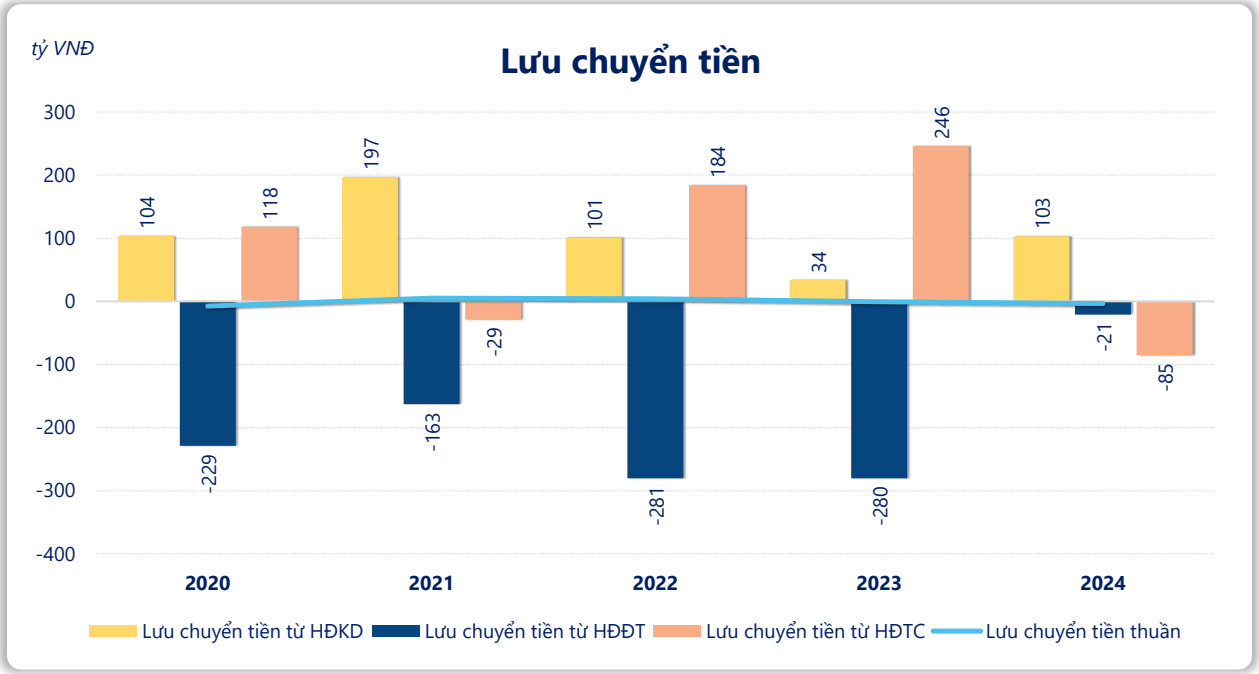
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **43.81** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **42.76** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.31** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của TDF năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **1.79%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**578**	**793**	**687**	**519**	**480**
Giá vốn hàng bán	429	615	491	392	407
Lợi nhuận gộp	**150**	**178**	**195**	**126**	**72.5**
Doanh thu HĐTC	6.69	8.91	7.90	1.57	0.25
Chi phí TC	13.2	11.5	15.9	39.2	44.4
Chi phí lãi vay	**12.9**	**11.3**	**15.7**	**39.2**	**43.8**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	30.1	30.1	38.5	24.0	22.2
Chi phí QLDN	22.3	26.7	32.1	21.9	20.6
LN thuần từ HĐKD	**90.9**	**118**	**117**	**42.9**	**-14.4**
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.05	-0.47	0.64	35.8
LN trước thuế	**90.9**	**118**	**116**	**43.5**	**21.4**
Lợi nhuận sau thuế	**72.9**	**94.5**	**93.0**	**34.8**	**13.6**
LNST của CĐ cty mẹ	**72.9**	**94.5**	**93.0**	**34.8**	**13.6**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TDF bằng **-3.34** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (-0.84 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **103.0** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-21.04** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-85.28** tỷ đồng.